

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ C
TỈNH C**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2019/HS-ST

Ngày 19 - 11 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Nga

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thanh Bình

Ông Nguyễn Quốc Huy

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Hồng Phúc – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc, Kiểm sát viên.

Ngày 19/11/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 35/2019/TLST-HS ngày 19 tháng 9 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2019/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 10 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2019/QĐ-ST ngày 22/10/2019, Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 04/TB-TA ngày 07/11/2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Văn A**; Tên gọi khác: Không; Sinh năm 1989 tại tỉnh B; Nơi ĐKKHKT: Xóm K, xã B, huyện V, tỉnh B; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Con ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1963 và con bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1967; Vợ là Hoàng Thị T, sinh năm 1989; có hai con: Con lớn nhất sinh năm 2012, con nhỏ nhất sinh năm 2014; Bị cáo có 03 anh chị em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Tiền sự: Không; Tiền án: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 10/4/2019 đến ngày 19/4/2019 bị áp dụng biện pháp tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố C, tỉnh C cho đến nay (*bị cáo có mặt tại phiên tòa*).

2. Họ và tên: **Bùi Văn B**; Tên gọi khác: Không; Sinh năm 1997 tại tỉnh B; Nơi ĐKKHKT: Thôn Kép 2B, xã H, huyện L, tỉnh B; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Con ông Bùi Văn U, sinh năm 1957 và con bà Vũ Thị N, sinh năm 1962; Vợ con: Chưa có; Bị cáo có 06 anh chị em, bị cáo là con út trong gia đình; Tiền sự: Không; Tiền án: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/4/2019, đến ngày 19/4/2019 bị áp dụng biện pháp tạm giam. Ngày 05/6/2019 bị can được thay thế biện pháp tạm giam bằng bảo lãnh tại thôn K, xã H, huyện L, tỉnh B cho đến nay (*bị cáo có mặt tại phiên tòa*).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Khoảng 15 giờ ngày 10/4/2019, Công an thành phố C làm nhiệm vụ tại khu vực tổ 18, phường T, thành phố C, tỉnh C, phát hiện đối tượng Bùi Văn B đang đi vào sảnh tầng 1 nhà nghỉ Bình Long có biểu hiện nghi vấn. Yêu cầu kiểm tra, Thủ đã tự giác lấy trong túi quần bên trái phía trước ra giao nộp 01 túi nilon màu trắng, có viền khóa miệng màu đỏ bên trong có 01 túi nilon màu trắng trong đó có chất tinh thể màu trắng, 02 viên nén màu xanh. Tại thời điểm bị bắt Bùi Văn B khai tên là Trần Văn C, sinh năm 1995, ở xã C, huyện S, tỉnh B, sau đó khai thật tên khai sinh là Bùi Văn B hiện đang trú tại số nhà 20, phố M, Tổ 1, phường DD, thành phố C, tỉnh C. Số vật chứng B vừa giao nộp trên là ma túy, B thường gọi là “Ke” và “Kẹo”. Quá trình điều tra và tại phiên tòa Bùi Văn B khai nguồn gốc ma túy trên là do B được Nguyễn Văn A ở cùng nhà nhờ cầm hộ ra phòng 306 khách sạn Bình Long, B có hỏi tiền nong như thế nào nhưng A nói “cứ cầm ra đấy hộ anh”. Sau đó B mang số ma túy trên đi đến sảnh tầng 1, khách sạn Bình Long thuộc tổ 18, phường T, thành phố C, tỉnh C thì bị phát hiện bắt quả tang cùng vật chứng.

Mở rộng điều tra, cùng ngày 10/4/2019 Công an thành phố C tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Bùi Văn B tại số nhà 020, phố M, tổ 1, phường Đ, thành phố C, tỉnh C. Kết quả, sau khi đọc lệnh khám xét thì Nguyễn Văn A đang ngồi ở ghế sofa phòng khách đã tự giác lấy chiếc túi giả da màu đen có in dòng chữ BURBERRY để cạnh chỗ đang ngồi giao nộp cho Công an thành phố C, bên trong túi có: 01 túi nilon viền miệng màu đỏ đựng 30 túi nilon màu trắng có viền khóa miệng túi viền màu xanh, bên trong mỗi túi chứa chất tinh thể màu trắng và 89 viên nén màu xanh; 01 giấy chứng minh thư nhân dân mang tên Nguyễn Văn A; số tiền 5.960.000 đồng. Nguyễn Văn A khai nhận số vật chứng vừa giao nộp trên là ma túy mà A gọi là “Ke” và “Kẹo”. Nguyễn Văn A khai, nguồn gốc số ma túy trên A có được trước ngày bị bắt khoảng 05 ngày, tại khu vực gầm cầu xã Đ, huyện V, tỉnh B, A nhờ một người bạn tên Q (không rõ lai lịch) mua giúp được 02 túi “Ke” và 100 viên “Kẹo” với giá 60.000.000 đồng. Sau đó A mang số ma túy trên đến thành phố C, tỉnh C để ở kiếm việc làm, ngày 07/4/2019 A vào ở nhờ nhà anh Nguyễn Văn T thuê là số nhà 020, phố M, tổ 1, phường Đ, thành phố C. Tại đây, A chia 02 túi ma túy loại Ketamine thành 31 túi nilon màu trắng có viền khóa miệng túi màu xanh và 01 túi nilon đựng 100 viên ma túy màu xanh loại MDMA, mục đích chia nhỏ ma túy để A sử dụng dần. Trong thời gian ở nhờ nhà T thuê, A đã sử dụng hết 09 viên “Kẹo”. Đến khoảng 14 giờ ngày 10/4/2019 A đang ngủ thì nhận được điện thoại từ số 0986983938 nói “em M đây, mang ra Khách sạn Bình Long cho em 02 cái “Kẹo” và 01 chỉ “Ke” rồi tắt máy. A dậy cầm chiếc túi xách màu đen có đựng ma túy đi ra ngoài phòng khách thì thấy Bùi Văn B đang ngồi ở đó, vì

không thuộc đường nên A nhờ B mang 01 túi nilon bên trong có chất tinh thể màu trắng là ma túy loại Ketamine, 02 viên ma túy màu xanh loại MDMA ra khách sạn Bình Long cho M, vì là anh em cùng quê B với nhau, hơn nữa hiện đang ở chung một nhà nên B đồng ý và hỏi A “tiền nong thế nào”, A nói “cứ cầm ra đó cho anh M chơi”. Sau đó B mang số ma túy trên đi đến sảnh tầng 1, khách sạn Bình Long thuộc tổ 18, phường T, thành phố C, tỉnh C thì bị phát hiện bắt quả tang cùng vật chứng.

Ngày 10/4/2019 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố C thành lập hội đồng mở niêm phong, xác định khối lượng và gửi mẫu giám định.

Kết luận giám định số 01/KLGĐ ngày 19/4/2019 của Công an thành phố C, tỉnh C kết luận: 01 túi nilon màu trắng miệng túi có viên màu xanh, bên trong là chất tinh thể màu trắng, thu giữ của Trần Văn C (tên thật là Bùi Văn B) trong quá trình bắt quả tang ngày 10/4/2019, sau khi loại bỏ hết hoàn toàn phần nilon có khối lượng là 0,6gam (bút lục số 120B); 02 (hai) viên nén màu xanh thu giữ của Trần Văn C (tên thật là Bùi Văn B) trong quá trình bắt quả tang ngày 10/4/2019, kết quả hai lần cân là: viên thứ nhất có khối lượng 0,4gam và viên thứ hai có khối lượng 0,38gam) (Bút lục 120B, 121). Toàn bộ số vật chứng trên gửi giám định tại Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh C, không hoàn lại mẫu vật giám định.

Kết luận giám định số 02/KLGĐ ngày 19/4/2019 của Công an thành phố C, tỉnh C kết luận: 01 túi nilon màu trắng miệng túi có viên màu đỏ, bên trong có 30 túi nilon màu trắng, miệng túi có viên màu xanh thu giữ của Nguyễn Văn A trong quá trình tự thú ngày 10/4/2019 sau khi loại bỏ hết hoàn toàn phần nilon có tổng khối lượng 18,19gam (mười tám phẩy mười chín gam); 89 (tám mươi chín) viên nén hình tam giác màu xanh thu giữ của Nguyễn Văn A trong quá trình tự thú ngày 10/4/2019 có khối lượng là: 35,1gam (ba mươi năm phẩy một gam) (Bút lục 125B, 126, 126A). Toàn bộ số khối lượng 18,19gam chất tinh thể màu trắng trong 30 túi nilon màu trắng đã cân và lấy ngẫu nhiên 10 viên nén hình tam giác màu xanh có tổng khối lượng là 3,95 gam gửi giám định tại Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh C, không hoàn lại mẫu vật giám định.

Kết luận giám định số 182/GĐ-KTHS ngày 15/4/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh C kết luận 01 gói tinh thể màu trắng (ký hiệu M1) thu giữ của Trần Văn C tên thật là Bùi Văn B trong quá trình bắt quả tang gửi đến giám định có khối lượng là 0,6 gam là ma túy loại Ketamine (Bút lục 123); 02 viên nén màu xanh (ký hiệu M2, M3) thu giữ của Trần Văn C tên thật là Bùi Văn B trong quá trình bắt quả tang gửi đến giám định có khối lượng là 0,78gam là ma túy loại MDMA (Bút lục 123).

Kết luận giám định số 181/GĐ-KTHS ngày 15/4/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh C kết luận 30 gói tinh thể màu trắng (Ký hiệu từ M1 đến M30) thu giữ của Nguyễn Văn A gửi đến giám định có tổng khối lượng là 18,19gam là ma túy loại Ketamine và 10 viên nén màu xanh thu giữ của Nguyễn Văn A gửi đến giám định có khối lượng là 3,95 gam là ma túy loại MDMA (Bút lục 128).

Trước đó, tại thời điểm bị bắt Nguyễn Văn A, Bùi Văn B khai nhận số ma túy 0,6 gam Ketamine và 0,78 gam MDMA là của Nguyễn Văn A đưa cho Bùi

Văn B mang đến Khách sạn Bình Long là nhằm mục đích để bán cho M, tại biên bản bắt người phạm tội quả tang, B khai số ma túy trên B tàng trữ mục đích để sử dụng cho bản thân. Còn 18,19gam Ketamine và 35,1 gam MDMA Nguyễn Văn A tự giác giao nộp trong quá trình khám xét là để sử dụng và có ai hỏi mua thì bán. Tuy nhiên quá trình điều tra Nguyễn Văn A, Bùi Văn B cùng thay đổi lời khai, cho rằng số ma túy A đưa cho B đem đến Khách sạn Bình Long mục đích là đem cho M sử dụng vì M là chỗ bạn bè quen biết của A chứ không có mục đích mua bán. Việc B đồng ý giúp A đem số ma túy trên đến Khách sạn Bình Long cho M chơi là do B và A là anh em cùng quê Bắc Giang với nhau, hơn nữa hiện đang ở chung một nhà. Còn số ma túy A tự nguyện giao nộp trong đó có 18,19 gam Ketamine và 35,1 gam MDMA A tàng trữ để sử dụng dần, không có mục đích mua bán. Kết quả điều tra không chứng minh được việc A bán ma túy cho M.

Các vấn đề khác của vụ án:

Về nguồn gốc các chất ma túy 18,79 gam Ketamine và 35,88 gam MDMA Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố C thu giữ được của bị cáo Nguyễn Văn A và Bùi Văn B, theo lời khai của bị cáo A: Nguồn gốc số ma túy trên A có được là do một người bạn tên Q mua giúp ở khu vực gầm cầu xã Đ, huyện V, tỉnh B. Kết quả điều tra không xác định được nhân thân, lai lịch Q nên không có cơ sở để giải quyết.

Theo lời khai của bị cáo A: đối với người bạn tên M có số điện thoại 0986983938 là người gọi điện bảo A mang ma túy đến khách sạn Bình Long. Kết quả điều tra xác định, có đối tượng Đào Hoàng M, Sinh năm 1994, HKTT: tổ 15, phường T, thành phố C là chủ thuê bao số điện thoại 0986983938. Tuy nhiên, M không thừa nhận việc gọi điện thoại để hỏi lấy ma túy từ A. Kết quả tra cứu số thuê bao di động phục vụ công tác điều tra đối với số thuê bao di động của Nguyễn Văn A (0961625889) và số thuê bao di động của đối tượng Đào Hoàng Minh (0986983938) tại các công văn số 2587, 2588 cùng ngày 24/5/2019 của Tập đoàn công nghiệp – Viễn thông quân đội (Viettel) – Bộ Quốc phòng không xác định được nội dung cuộc gọi, tin nhắn đồng thời nhật ký cuộc gọi cũng phù hợp với lời khai của Đào Hoàng M thừa nhận có gọi điện cho A nhưng chỉ gọi điện hỏi thăm, không có nội dung trao đổi mua bán ma túy, cuộc gọi của M cho A từ địa điểm huyện SP tỉnh L, tại thời điểm ngày 10/4/2019 M không có mặt tại tỉnh C. Ngoài lời khai duy nhất của A không còn tài liệu khác chứng minh nên không đủ cơ sở để xử lý M trong vụ án này đồng thời cũng không đủ cơ sở để xác định có hành vi trao đổi mua bán ma túy giữa bị cáo Nguyễn Văn A và Đào Hoàng M.

Ngày 19/4/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố C, tỉnh C ban hành Quyết định khởi tố bị can số 20 đối với Nguyễn Văn A về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm h khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự; Quyết định khởi tố bị can số 19 ngày 19 tháng 4 năm 2019 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố C, tỉnh C đối với Bùi Văn B về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự;

Quá trình điều tra không đủ căn cứ xác định hành vi mua bán trái phép chất ma túy của Nguyễn Văn A, Bùi Văn B. Do đó đến ngày 10 tháng 7 năm 2019 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố C thay đổi Quyết định khởi tố vụ án hình

sự số 23/QĐ ngày 23/4/2019 của Cơ quan cảnh sát điều tra thành phố C, tỉnh C bằng Quyết định thay đổi quyết định khởi tố vụ án hình sự số 01/QĐ với nội dung: nay khởi tố vụ án hình sự “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”; Quyết định thay đổi quyết định khởi tố bị can số 02B ngày 10 tháng 7 năm 2019 đối với Nguyễn Văn A về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm h khoản 3 Điều 249 Bộ luật hình sự và Quyết định thay đổi quyết định khởi tố bị can số 02A ngày 10 tháng 7 năm 2019 đối với Bùi Văn B về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự;

Cáo trạng số 31/CT-VKSTP ngày 17/9/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu đã truy tố Nguyễn Văn A về tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm h khoản 3 Điều 249 Bộ luật hình sự; Bùi Văn B về tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C giữ quyền công tố tại phiên toà giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn A, Bùi Văn B phạm tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Về hình phạt chính: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm h khoản 3 Điều 249; điểm s, r khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn A từ 11 năm đến 12 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 10/4/2019; Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Bùi Văn B từ 18 tháng đến 24 tháng tù, bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam trước đó, thời hạn tù tính từ bị cáo vào trại chấp hành án.

Hình phạt bổ sung: đề nghị hội đồng xét xử xem xét miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho các bị cáo;

- Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị hội đồng xét xử tuyên:

- Tịch thu tiêu hủy 01 túi nilon màu trắng có viên khóa miệng túi màu đỏ, 30 túi nilon màu trắng có viên khóa miệng túi màu xanh và 79 viên nén hình tam giác màu xanh (có tổng khối lượng là 31,15gam) đựng trong 01 túi nilon màu trắng còn lại sau khi lấy mẫu gửi giám định thu giữ của Nguyễn Văn A trong quá trình tự thú ngày 10/4/2019.

- Tịch thu tiêu hủy 01 túi nilon màu trắng có viên khóa miệng túi màu đỏ và 01 túi nilon màu trắng có viên khóa miệng túi màu xanh còn lại sau giám định thu giữ của Trần Văn C tên thật là Bùi Văn B trong quá trình bắt người phạm tội quả tang ngày 10/4/2019.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 túi giả da màu đen, bên trên có in chữ BURBERRY, túi đã qua sử dụng, không chứa gì bên trong;

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn A: 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Nguyễn Văn A và số tiền 5.960.000 đồng (*Năm triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn*); 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone màu đen có vỏ ốp lưng màu trắng, đã qua sử dụng có số Imeil: 355374080218423, bên trong có 01 thẻ sim điện thoại số 0961625889 thu giữ của Nguyễn Văn A trong quá trình tự thú ngày 10/4/2019.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về Cáo trạng, Kết luận nêu trên.

Tại lời nói sau cùng các bị cáo ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của bản thân và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được mức án thấp nhất để các bị cáo được sớm trở về với gia đình và xã hội làm công dân có ích.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội:

Khoảng gần 15 giờ 00 phút ngày 10/4/2019, Nguyễn Văn A nhờ Bùi Văn B mang 0,6 gam ma túy loại Ketamine và 0,78 gam ma túy loại MDMA đến khách sạn Bình Long thuộc tổ 18, phường T, thành phố C, tỉnh C cho bạn sử dụng, trên đường B đến sảnh tầng 1 khách sạn thì bị phát hiện bắt quả tang vào hồi 15 giờ 00 phút cùng ngày. Mở rộng điều tra, cùng ngày 10/4/2019 khám xét khẩn cấp nơi ở của Bùi Văn B số nhà 020, phố M, Tổ 1, phường Đ, thành phố C thì tại phòng khách ngôi nhà Nguyễn Văn A đã tự giác giao nộp 30 túi nilon chứa các chất tinh thể màu trắng có khối lượng 18,19 gam Ketamine và 89 viên nén màu xanh hình tam giác có khối lượng là 35,1 gam MDMA. Mục đích A tàng trữ số ma túy trên để sử dụng cho bản thân.

Như vậy bị cáo Nguyễn Văn A phải chịu trách nhiệm hình sự với số ma túy nhờ Thủ mang cho bạn sử dụng và số ma túy cất giấu để sử dụng với tổng khối lượng là 18,79 gam (18,19gam + 0,6gam) Ketamine và 35,88 gam (35,1 gam + 0,78 gam) MDMA. Căn cứ khoản 4 Điều 5 Nghị định 19/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định về việc tính tổng khối lượng hoặc thể tích chất ma túy tại một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2015 xác định tổng tỷ lệ phần trăm về khối lượng của MDMA và chất ma túy khác ở thể rắn mà Nguyễn Văn A tàng trữ để sử dụng cho bản thân là 42,14% (dưới 100%) thuộc trường hợp quy định tại điểm h khoản 3 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Điểm h khoản 3 Điều 249 Bộ luật hình sự quy định:

1.

2.

3. *Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 15 năm:*

.....

h) Có hai chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm g khoản này.

Bị cáo Bùi Văn B phải chịu trách nhiệm hình sự với tổng khối lượng số ma túy là 0,6 gam Ketamine và 0,78 gam MDMA. Căn cứ khoản 2 Điều 5 Nghị định 19/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định về việc tính tổng khối lượng hoặc thể tích chất ma túy tại một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2015 xác định tổng tỷ lệ phần trăm về khối lượng của MDMA và chất ma túy khác ở thể rắn mà Bùi Văn B tàng trữ là 18,6% (dưới 100%) thuộc trường hợp quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào tàng trữ trái phép ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...

i. Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm h đến điểm o khoản này.”

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản khám xét, biên bản tiếp nhận người phạm tội ra tự thú, phù hợp với vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án, Hội đồng xét xử thấy: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, bị cáo A thực hiện hành vi phạm tội với vai trò vừa là người thực hành trực tiếp, gián tiếp. Bị cáo B thực hiện hành vi phạm tội với vai trò là người giúp sức nên cần áp dụng Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự. Quá trình thực hiện hành vi phạm tội cả hai bị cáo đều thực hiện hành vi tích cực, do đó các bị cáo cùng phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra.

Các bị cáo Nguyễn Văn A và Bùi Văn B là những người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật. Hành vi của bị cáo Bùi Văn B là nguy hiểm cho xã hội, có tính chất nghiêm trọng; hành vi của bị cáo Nguyễn Văn A là nguy hiểm cho xã hội, có tính chất rất nghiêm trọng. Hành vi của hai bị cáo xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước, gây mất trật tự trị an trên địa bàn, ý thức được điều đó nhưng để thỏa mãn nhu cầu của bản thân các bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

Như vậy, có đủ cơ sở để khẳng định: Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn A có đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm h khoản 3 Điều 249 Bộ luật hình sự; Hành vi của bị cáo Bùi Văn B có đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Vì vậy, quan điểm xử lý trách nhiệm hình sự của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C tại phiên tòa là có cơ sở, không oan sai, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Về nhân thân: Các bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, nên các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn A, ngày 10/4/2019 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố C thực hiện lệnh khám xét chỗ ở của bị cáo Bùi Văn B. Sau khi đọc lệnh khám xét, bị cáo Nguyễn Văn A đã tự giác giao nộp toàn bộ số ma túy của bị cáo A đang tàng trữ trái phép cho cơ quan điều tra và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Duy.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Hội đồng xét xử thấy trên cơ sở tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét thấy cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, đồng thời cần có một mức hình phạt phù hợp nhằm tiếp tục răn đe, giáo dục, cải tạo các bị cáo thành công dân có ích cho xã hội.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 điều 249 Bộ luật hình sự, các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên theo tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy các bị cáo là lao động tự do có thu nhập không ổn định, điều kiện kinh tế còn khó khăn mặt khác các bị cáo còn phải chấp hành án phạt tù nên Hội đồng xét xử cần quyết định miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[5] Về vật chứng của vụ án:

+ Đối với 01 phong bì niêm phong là phong bì công văn của Công an thành phố C (*Theo hồ sơ bên trong là 79 viên nén hình tam giác màu xanh có tổng trọng lượng là 31,15gam được cho vào trong 01 túi nilon màu trắng; 01 túi ni lon màu trắng miệng túi có viền màu đỏ; 30 túi nilon màu trắng miệng túi có viền màu xanh*) vật chứng còn lại sau khi lấy mẫu gửi giám định thu giữ của Nguyễn Văn A trong quá trình tự thú ngày 10/4/2019;

+ Đối với 01 phong bì niêm phong là phong bì công văn của Công an thành phố C (*Theo hồ sơ bên trong là 01 túi nilon màu trắng miệng túi có viền màu đỏ và 01 túi nilon màu trắng miệng túi có viền màu xanh*) vật chứng còn lại sau khi lấy mẫu gửi giám định thu giữ của Trần Văn C tên thật là Bùi Văn B trong quá trình bắt quả tang ngày 10/4/2019;

+ 01 túi giả da màu đen bên trên in chữ BURBERRY, túi đã qua sử dụng, không chứa gì bên trong, thu giữ của Nguyễn Văn A.

Hội đồng xét xử xét thấy những vật chứng ghi trên là công cụ, phương tiện phạm tội, vật cấm tàng trữ lưu hành nên cần tịch thu, tiêu hủy theo quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

+ Đối với 01 phong bì niêm phong là phong bì công văn của Công an thành phố C (Theo hồ sơ bên trong là số tiền 5.960.000 đồng gồm 09 tờ Polime mệnh giá 500.000 đồng, 06 tờ polime mệnh giá 200.000 đồng, 01 tờ polime mệnh giá 100.000 đồng, 02 tờ polime mệnh giá 50.000 đồng, 01 tờ polime mệnh giá 20.000 đồng, 04 tờ polime mệnh giá 10.000 đồng); 01 phong bì niêm phong là phong bì công văn của Công an thành phố C (Theo hồ sơ bên trong là 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone màu đen có vỏ ốp lưng màu trắng, đã qua sử dụng có số Imeil: 355374080218423, bên trong có 01 thẻ sim điện thoại số 0961625889); 01 giấy Chứng minh nhân dân tên Nguyễn Văn A thu giữ của Nguyễn Văn A trong quá trình tự thú ngày 10/4/2019.

Quá trình điều tra và xét hỏi tại phiên tòa, xác định các tài sản ghi trên là tài sản có nguồn gốc hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A, không liên quan đến hành vi phạm tội, nên cần trả lại cho bị cáo A theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[6] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm h khoản 3 Điều 249, các điểm s, r khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn A;

Căn cứ điểm i khoản 1 Điều 249, các điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Bùi Văn B;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 46, điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn A, Bùi Văn B phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn A 11 (Mười một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 10/4/2019.

Xử phạt bị cáo Bùi Văn B 18 (Mười tám) tháng tù, bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/4/2019 đến ngày 05/6/2019 là 57 (Năm mươi bảy) ngày, bị cáo còn phải chấp hành hình phạt là 16 (Mười sáu) tháng 03 (Ba) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

3. Về vật chứng:

+ Tịch thu, tiêu hủy đối với 01 phong bì niêm phong là phong bì công văn của Công an thành phố C (Theo hồ sơ bên trong là 79 viên nén hình tam giác màu xanh có tổng trọng lượng là 31,15gam được cho vào trong 01 túi nilon màu trắng; 01 túi nilon màu trắng miệng túi có viền màu đỏ; 30 túi nilon màu trắng miệng túi có viền màu xanh) vật chứng còn lại sau khi lấy mẫu gửi giám định thu giữ của Nguyễn Văn A trong quá trình tự thú ngày 10/4/2019;

+ Tịch thu tiêu hủy đối với 01 phong bì niêm phong là phong bì công văn của Công an thành phố C (Theo hồ sơ bên trong là 01 túi nilon màu trắng miệng túi có viền màu đỏ và 01 túi nilon màu trắng miệng túi có viền màu xanh) vật chứng còn lại sau khi lấy mẫu gửi giám định thu giữ của Trần Văn C trong quá trình bắt quả tang ngày 10/4/2019;

+ Tịch thu tiêu hủy đối với 01 túi giả da màu đen bên trên in chữ BURBERRY, túi đã qua sử dụng, không chứa gì bên trong, thu giữ của Nguyễn Văn A.

+ Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn A: Số tiền 5.960.000 đồng được niêm phong trong 01 phong bì công văn của Công an thành phố C, tỉnh C (Theo hồ sơ bên trong là số tiền 5.960.000 đồng gồm 09 tờ Polime mệnh giá 500.000 đồng, 06 tờ polime mệnh giá 200.000 đồng, 01 tờ polime mệnh giá 100.000 đồng, 02 tờ polime mệnh giá 50.000 đồng, 01 tờ polime mệnh giá 20.000 đồng, 04 tờ polime mệnh giá 10.000 đồng); 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone màu đen có vỏ ốp lưng màu trắng, đã qua sử dụng có số Imeil: 355374080218423, bên trong có 01 thẻ sim điện thoại số 0961625889 được niêm phong trong 01 phong bì công văn của Công an thành phố C, tỉnh C; 01 giấy chứng minh nhân dân tên Nguyễn Văn A số 121867406 cấp ngày 21/7/2016, nơi cấp Công an tỉnh Bắc Giang.

(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng hồi 10 giờ 00 phút ngày 19/9/2019 giữa Công an thành phố C, tỉnh C và Chi cục thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh C).

4. Về án phí: Áp dụng: Các bị cáo Nguyễn Văn A, Bùi Văn B mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo Nguyễn Văn A, Bùi Văn B được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án lên Tòa án nhân dân cấp trên.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- Công an thành phố Lai Châu;
- VKSND thành phố Lai Châu;
- Chi cục THADS thành phố Lai Châu;
- Sở tư pháp tỉnh Lai Châu;
- Các bị cáo;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Bích Nga